TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/TCDS-ST
Ngày 06 - 3 - 2024
"V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tưởng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Hải Phú và ông Nguyễn Ngọc Vinh

Thư ký Tòa án ghi Biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hoài Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2023/TLST- TCDS ngày 11 tháng 10 năm 2023, về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐST-TCDS ngày 07 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1932; bà Hoàng Thị Hồng T, sinh năm 1969; anh Hoàng Viết H, sinh năm 1975

Cùng cư trú: Thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị L, anh Hoàng Viết H: Bà Hoàng Thị Hồng T, sinh năm 1969

Nơi cư trú: Thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Phạm Thị L và anh Hoàng Viết H: Ông Hoàng Khắc C - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Hoàng Văn D, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960

Cùng cư trú: Thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

NHẬN THẤY:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/5/2023 và quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị Hồng T trình bày:

Nguồn gốc 03 thửa đất số 371, 775 và 776, tờ bản đồ số 4 tại thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình là do ông bà để lại cho bố mẹ bà là ông Hoàng Minh X và bà Phạm Thị L. Năm 1969, bố bà hy sinh nên để lại thửa đất trên cho mẹ bà là Phạm Thị L. Năm 2015, bà L làm thủ tục tách thửa và tặng cho các con gồm: Hoàng Thị Hồng T thửa đất số 776, tờ bản đồ số 4 tại thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, diện tích thửa đất là 207,8m^2; Hoàng Viết H thửa đất số 775, tờ bản đồ số 4 tại thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, diện tích thửa đất là 160,4m^2; thửa còn lại là của bà Phạm Thị L (thửa đất số 371) tờ bản đồ số 4 tại thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, diện tích thửa đất là 277,7m^2. Ngày 27/11/2015, bà Phạm Thị L, bà Hoàng Thị Hồng T và anh Hoàng Viết H được Ủy ban nhân dân thị xã B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Quá trình sử dụng đất bà L, bà T và anh H sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp. Đến tháng 02 năm 2020, gia đình ông Hoàng Văn D, bà Nguyễn Thị H, chủ sử dụng đất liền kề khởi công xây dựng nhà ở kiên cố và đã xây lấn sang một phần diện tích đất của 3 mẹ con, mặc dù gia đình bà đã can ngăn, yêu cầu ông D, bà H phải xây nhà đúng ranh giới, vị trí thửa đất của mình đã được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông D, bà H không nghe mà cố tình xây dựng nhà lấn chiếm một phần đất của mẹ con bà, cụ thể như sau:

-Thửa đất số 775, tờ bản đồ số 4, tại thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, ông D, bà H đã xây nhà lấn chiếm cạnh phía Bắc khoảng 0,22m; cạnh phía Nam khoảng 0,36m. Tổng cộng là khoảng trên 2,0m^2.

-Thửa đất số 776, tờ bản đồ số 4, tại thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, ông D, bà H đã xây nhà lấn chiếm về cạnh phía Tây khoảng 3,9m^2.

-Thửa đất số 371, tờ bản đồ số 4, tại thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, ông D, bà H đã xây nhà lấn chiếm về cạnh phía Tây khoảng 6,1m^2.

Tháng 4/2023, gia đình bà đã làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dâ xã Q hòa giải nhưng không thành. Nay mẹ con bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã B giải quyết, buộc ông Hoàng Văn D, bà Nguyễn Thị H tháo dỡ các công trình đã xây trên ba thửa đất (thửa đất số 371, 775 và 776), tờ bản đồ số 4 tại xã Q, thị xã B, tỉnh

Quảng Bình để trả lại diện tích đất đã lấn chiếm về cạnh phía Tây của thửa đất số 775 là 2,0m^2; cạnh phía Tây của thửa đất số 776 là 3,9 m^2 và cạnh phía Tây của thửa đất số 371 là 6,1m^2.

Bị đơn ông Hoàng Văn D và bà Nguyễn Thị H trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 369, tờ bản đồ số 4 tại thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình là do bố mẹ để lại. Ngày 25 tháng 01 năm 2014 ông, bà được Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất có diện tích 648,0m^2. Quá trình sử dụng đất ổn định. Năm 2020, gia đình ông bà xây dựng nhà kiên cố để ở và thờ phụng anh trai là liệt sỹ. Trước khi bỏ móng làm nhà, gia đình ông bà đã mời cán bộ địa chính xã Q đo đạc lại đất của mình, đồng thời gọi bà L ra để xác định ranh giới của 02 thửa đất giữa gia đình ông, bà và gia đình bà L. Nay bà Phạm Thị L, bà Hoàng Thị Hồng T và anh Hoàng Viết H khởi kiện cho rằng gia đình ông bà lấn chiếm đất và yêu cầu ông bà trả lại toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm của ba thửa đất như bà T đã trình bày thì ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị Hồng T có Đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với các thửa đất đang tranh chấp

Ngày 22/11/2023, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với các thửa đất đang tranh chấp. Kết quả đo đạc, thẩm định xác định như sau:

Thửa đất số 775 tờ bản đồ số 4, nhà ông D, bà H xây chồng qua 0,2m^2; phần le của tầng 1 qua là 0,4m^2; xây tường rào và sân chồng lấn qua 0,4m^2 (tất cả đều xây lấn về cạnh phía Tây của thửa đất số 775)

Thửa đất số 776 tờ bản đồ số 4, nhà ông D, bà H xây chồng qua cạnh phía Tây là 2,4m^2;

Thửa đất số 371 tờ bản đồ số 4 nhà ông D, bà H xây chồng qua cạnh phía Tây là 3,5m^2; phần le của tầng 1 qua cạnh phía Tây là 0,1m^2;

Giá đất ở theo giá thị trường tại thời điểm giải quyết vụ án là 1.300.000 đồng/1m^2; giá đất vườn theo Quyết định số 40 ngày 20/12/2019n của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình có giá là 35.000 đồng/1m^2;

Tại phiên toà, bà T không nhất trí kết quả đo đạc mà yêu cầu Tòa án buộc ông D, bà H trả lại diện tích đất lấn chiếm là 12m^2;

Tại phiên tòa, ông D, bà H không nhất trí kết quả hòa giải ngày 04/012024 mà

yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Tại phiên toà, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L và ông H trình bày: Bà Phạm Thị L, bà Hoàng Thị Hồng T và anh Hoàng Viết H được UBND thị xã B cấp đất vào ngày 27/11/2015 là đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp. Tuy nhiên, năm 2020, ông D, bà H xây nhà đã lấn chiếm đất của bà L, bà T và anh H, mặc dù gia đình bà L đã can ngăn nhưng ông D, bà H vẫn cố tình xây nhà, làm cho quyền và lợi ích hợp pháp của bà L, bà T và anh H bị xâm phạm. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1, 2 Điều 158, khoản 1 Điều 164, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 164, Điều 165 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L, bà Hoàng Thị Hồng T và anh Hoàng Viết H, buộc ông Hoàng Văn D và bà Nguyễn Thị H tháo dỡ, di dời tài sản xây dựng trên đất trả lại 12m^2 đất đã lấn chiếm bất hợp pháp cho bà Phạm Thị L, bà Hoàng Thị Hồng T và anh Hoàng Viết H. Hoặc buộc ông Hoàng Văn D và bà Nguyễn Thị H đền bù bằng tiền theo giá thị trường tại thời điểm đất bị lấn chiếm 1m^2 đất là 5.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, Bị đơn đã tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 271, Điều 273, Điều 186 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 164, Điều 166, Điều 175 và Điều 176 Bộ luật Dân sự; các Điều 12, Điều 170 Luật đất đai năm 2013; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L, bà Hoàng Thị Hồng T và anh Hoàng Viết H, về việc yêu cầu ông Hoàng Văn D, bà Nguyễn Thị H tháo dỡ các công

trình đã xây tại cạnh phía Tây trên ba thửa đất (thửa đất số 371, 775 và 776, tờ bản đồ số 4 tại xã Q) để trả lại diện tích đất đã lấn chiếm cho bà L, bà T và anh H là 7m^2. Tuy nhiên, hiện nay ông D, bà H đã xây dựng nhà kiên cố nên không thể tháo dỡ được. Vì vậy, cần buộc ông D, bà H phải giao giá trị đất theo kết quả định giá đất ở đã được Hội đồng định giá cho bà L, bà T và ông H như sau:

Thửa đất số 775 diện tích lấn chiếm là 1m^2 x 1.300.000 đồng = 1.300.000 đồng;

Thửa đất số 776 diện tích lấn chiếm là 2,4m^2 x 1.300.000 đồng = 3.120.000 đồng;

Thửa đất số 371 diện tích lấn chiếm là 3,6m^2 x 1.300.000 đồng = 4.680.000 đồng;

- Về án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Hoàng Văn D, bà Nguyễn Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Phạm Thị L, bà Hoàng Thị Hồng T và anh Hoàng Viết khởi kiện đối với vợ chồng ông Hoàng Văn D, bà Nguyễn Thị H. Hiện tại ông D, bà H đang có hộ khẩu thường trú tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét thấy, trong vụ án này, nguyên nhân xảy ra tranh chấp là do gia đình bà Phạm Thị L, bà Hoàng Thị Hồng T, anh Hoàng Viết H và gia đình ông Hoàng Văn D, bà Nguyễn Thị H không xác định được rõ ràng ranh giới, mốc giới giữa các thửa đất của hai gia đình tại vị trí đất tranh chấp từ khi gia đình ông D, bà H xây nhà vào năm 2020.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Phạm Thị L được Ủy ban nhân dân thị xã B cấp đất tại thửa đất số 371, tờ bản đồ số 4, tại thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 27/11/2015; diện tích thửa đất là 277,7m^2, trong đó đất ở 80m^2, đất trồng cây hàng năm khác 197,7m^2; bà Hoàng Thị Hồng T được Ủy ban

nhân dân thị xã B cấp đất tại thửa đất số 776, tờ bản đồ số 4, tại thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 27/11/2015; diện tích thửa đất là 207,8m^2, trong đó đất ở 60m^2, đất trồng cây hàng năm khác 147,8m^2; anh Hoàng Viết H được Ủy ban nhân dân thị xã B cấp đất tại thửa đất số 775, tờ bản đồ số 4, tại thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 27/11/2015; diện tích thửa đất là 160,4m^2, trong đó đất ở 60m^2, đất trồng cây hàng năm khác 100,4 m^2; ông Hoàng Văn D, bà Nguyễn Thị H được Ủy ban nhân dân huyện Q cấp đất tại thửa đất số 369, tờ bản đồ số 4 tại thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình ngày 25/01/2014; thửa đất có diện tích 648,0m$^{2.}$

Quá trình giải quyết vụ án, hai bên đương sự nhất trí như kết quả xem xét thẩm định tại chỗ nhưng tại phiên tòa, bà T không nhất trí kết quả đo đạc mà yêu cầu Tòa án buộc ông D, bà H trả lại diện tích đất lấn chiếm là 12m^2; ông D, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/11/2023 thì hiện tại, thửa đất số 775 tờ bản đồ số 4, nhà ông D và bà H xây chồng qua 0,2m^2 về cạnh phái Tây; phần le của tầng 1 qua cạnh phía Tây là 0,4m^2; xây tường rào và sân chồng lấn qua cạnh phía Tây 0,4m^2; thửa đất số 776 tờ bản đồ số 4, nhà ông D, bà H xây chồng qua 2,4m^2 về cạnh phía Tây; thửa đất số 371 tờ bản đồ số 4 nhà ông D, bà H xây chồng qua 3,5m^2, phần le của tầng 1 qua 0,1m^2 về cạnh phía Tây. Tổng diện tích đất mà ông D, bà H lấn chiếm của 3 thửa đất là 7m^2 nên không có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông D, bà H trả diện tích đất bị lấn chiếm là 12m^2 mà chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L, bà Hoàng Thị Hồng T, anh Hoàng Viết H để buộc ông Hoàng Văn D và bà Nguyễn Thị H phải tháo dỡ toàn bộ phần nhà, tường rào xây ở cạnh phía Tây của 3 thửa đất số 775, 776 và 371 tờ bản đồ số tờ bản đồ số 4, tại thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình đã cấp cho bà Phạm Thị L, bà Hoàng Thị Hồng T, anh Hoàng Viết H, trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 7m^2. Tuy nhiên, hiện nay ông D, bà H đã xây dựng nhà kiên cố nên không thể tháo dỡ được. Vì vậy, cần giao toàn bộ diện tích đất mà ông D, bà H đã xây nhà và tường rào lấn chiếm sang 03 thửa đất số 775, 776 và 371 tờ bản đồ số tờ bản đồ số 4, tại thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình đúng như sơ đồ mô tả hiện trạng thửa đất cho ông D, bà H được quyền sử dụng, buộc ông D, bà H phải giao giá trị đất theo kết quả định giá đất ở đã được Hội đồng định giá cho bà L, bà T và ông H cụ thể như sau:

Thửa đất số 775 diện tích lấn chiếm là 1m^2 x 1.300.000 đồng = 1.300.000 đồng;

Thửa đất số 776 diện tích lấn chiếm là 2,4m^2 x 1.300.000 đồng = 3.120.000 đồng;

Thửa đất số 371 diện tích lấn chiếm là 3,6m^2 x 1.300.000 đồng = 4.680.000 đồng;

Như vậy, số tiền mà ông D, bà H phải giao cho bà Phạm Thị L là 4.680.000 đồng; số tiền mà ông D, bà H phải giao cho bà Hoàng Thị Hồng T là 3.120.000 đồng và giao cho anh Hoàng Viết H là 1.300.000 đồng

[3] Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hoàng Thị Hồng T đã nộp 3.000.000 đồng; ông D, bà H đã nộp 2.000.000 đồng để chi phí cho Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn ông D, bà H phải nộp 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản để trả lại cho bà Hoàng Thị Hồng T theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Hoàng Văn D, bà Nguyễn Thị H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để nộp vào ngân sách Nhà nước

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 164, Điều 166, Điều 175 và Điều 176 Bộ luật Dân sự; các Điều 12, Điều 166, Điều 170 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L, bà Hoàng Thị Hồng T, anh Hoàng Viết H, về việc yêu cầu ông Hoàng Văn D, bà

Nguyễn Thị H trả lại đất bị lấn chiếm. Cụ thể:

- Giao diện tích đất mà ông Hoàng Văn D, bà Nguyễn Thị H đã xây nhà, phần le của tầng 1 lấn chiếm 3,6m^2 tại cạnh phía Tây của thửa đất số 371 tờ bản đồ số 4, thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình cho ông Hoàng Văn D và bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng, buộc ông Hoàng Văn D, bà Nguyễn Thị H giao giá trị diện tích đất đã lấn chiếm cho bà Phạm Thị L với số tiền 4.680.000 đồng;

- Giao diện tích đất mà ông Hoàng Văn D, bà Nguyễn Thị H đã xây nhà, phần le của tầng 1, tường rào và sân lấn chiếm 2,0m^2 tại cạnh phía Tây của thửa đất số 775 tờ bản đồ số 4, thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình cho ông Hoàng Văn D, bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng, buộc ông Hoàng Văn D, bà Nguyễn Thị H giao giá trị diện tích đất đã lấn chiếm cho bà Phạm Thị L với số tiền 1.300.000 đồng;

- Giao diện tích đất mà ông Hoàng Văn D, bà Nguyễn Thị H đã xây nhà lấn chiếm 2,4m^2 tại cạnh phía Tây của thửa đất số 776 tờ bản đồ số 4, thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình cho ông Hoàng Văn D, bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng, buộc ông Hoàng Văn D, bà Nguyễn Thị H giao giá trị diện tích đất đã lấn chiếm cho bà Hoàng Thị Hồng T với số tiền 3.120.000 đồng;

(Diện tích đất lấn chiếm được thể hiện theo sơ đồ đo vẽ kèm theo)

2. Về chi phí tố tụng: Ông Hoàng Văn D, bà Nguyễn Thị H phải nộp 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản để trả lại cho bà Hoàng Thị Hồng T.

3. Về án phí: Ông Hoàng Văn D, bà Nguyễn Thị H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 455.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước. Trả lại cho bà Hoàng Thị Hồng T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lại thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003652 ngày 09/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/3/2024).

*"*Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;